

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **2798/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 26-07-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn
2. Bà Phan Thị Bé.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ Hồng Duyên - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 07 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 543/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3890/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 06 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4471/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 07 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: phường Long Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Kiều Thanh H, sinh năm 1971; Địa chỉ cư trú: phường Long Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà C có đơn xin vắng mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2022, bản tự khai ngày 24/03/2022, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 25/07/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Bà C là ông H sống chung từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Bình, Quận 9 (Cũ), Thành phố Hồ Chí Minh, theo số 59/2005, Quyền số 01 ngày 25/05/2005, sau khi cưới Bà C và ông H về địa chỉ

1229/29 đường Nguyễn Xiển, Tổ 5, khu phố Thái Bình 2, phường Long Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc và có với nhau 01 người con tên Kiều Gia Huy, sinh ngày 30/7/2005. Nhưng sau đó có những mâu thuẫn trong đời sống hằng ngày cả về tính tình lẫn kinh tế, dần dần tình cảm rạn nứt. Cả hai vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại với nhau để hàn gắn tình cảm nhưng càng ngồi lại thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do đó mục đích hôn nhân là không đạt được nên bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu ly hôn với ông Kiều Thanh H.

Về con chung: Chúng tôi có 01 người con: Bé tên Kiều Gia Huy sinh ngày 30/07/2005 tôi đề nghị Tòa án giao cho tôi là người trực tiếp nuôi 01 con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có.

Về nợ chung: Đương sự khai không có.

Bị đơn ông Kiều Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.

Bà C có đơn đề nghị xin được vắng mặt khi Tòa án xét xử.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, đúng quy định của pháp luật. Việc cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà C yêu cầu ly hôn với ông H, nên đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn ông H cư trú tại thành phố Thủ Đức, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà C có đơn đề nghị vắng mặt khi Tòa án xét xử, ông H đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bà C và ông H.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 59/2005, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân phường Long Bình, thành phố Thủ Đức (Quận 9 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thì quan hệ hôn nhân giữa Bà C và ông H là hợp pháp.

[3.2] Quá trình chung sống vợ chồng, Bà C và ông H phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính nhau, quan điểm sống khác nhau, Bà C và ông H sống ly thân đã lâu nhưng đến nay vẫn không có giải pháp nào để hàn gắn đoàn tụ. Quá trình Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông H vắng mặt, không có sự trình bày hay đưa ra văn bản nào thể hiện ý chí còn mong muốn duy trì cuộc hôn nhân này. Như vậy, mâu thuẫn giữa Bà C và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của Bà C đối với ông H là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho Bà C ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Có 01 người con chung tên Kiều Gia Huy sinh ngày 30/07/2005. Giao con chung cho bà Nguyễn Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và ông H không cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Bà C khai không có.

[6] Về nợ chung: Bà C khai không có.

[7] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng Bà C tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0026202 ngày 09/03/2022 của Thị hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim C và ông Kiều Thanh H.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Kiều Gia Huy sinh ngày 30/07/2005 cho bà Nguyễn Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và ông H không cấp dưỡng.

Ông Kiều Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà C khai không có.

4. Về nợ chung: Bà C khai không có.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng Bà C tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0026202 ngày 09/03/2022 của Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C đã nộp đủ án phí.

6. Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Kiều Thanh H vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Trần Xuân Dũng